

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ G
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày: 17/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ G, TỈNH KON TUM

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Xuân Gụ và Bà Y Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ G, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ G tham gia phiên tòa: Ông Tạ Đ Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ G, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ ; (Tên gọi khác: Đ què); sinh ngày 28 tháng 4 năm 1980 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký NKTT: Thôn Tân Hương, xã H T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn M Đ và bà Nguyễn Thị Th; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 10/6/2019 bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ G khởi tố bị can, đến ngày 30/7/2019 ra lệnh truy nã. Ngày 27/8/2019, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Tĩnh bắt giữ theo lệnh truy nã, hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Kon Tum đến ngày 18/6/2020.

2. Nguyễn Văn Th (Tên gọi khác: Th đen); sinh ngày 20 tháng 10 năm 1973 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký NKTT: Thôn 16/5, thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị

B; Năm 1991 sống chung với chị Lê Thị C, sinh năm 1971 và có một con chung sinh năm 1992. Từ năm 1998 đến nay, sống chung với chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 26/4/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Đ G xử phạt 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/01/2020 đến nay.

3. Lê Văn M; (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 10 tháng 12 năm 1983 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký NKTT: Thôn Nam T, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M;

Tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 28/10/2019 bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ G khởi tố bị can, đến ngày 04/11/2019 ra lệnh truy nã. Ngày 10/01/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ia H'Drai bắt theo lệnh truy nã, hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Kon Tum đến ngày 18/6/2020.

4. Trần Đình CH; (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 10 tháng 8 năm 1968 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký NKTT: Thôn Mỹ Lạc, xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Chí V và bà Phạm Thị N (cả hai đều đã chết); Có vợ là Trần Tú O, sinh năm 1980; Có 01 con sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 04/5/2019 bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ G bắt tạm giữ. Đến ngày 09/5/2019 bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ G khởi tố bị can và bắt tạm giam. Đến ngày 28/9/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 06/01/2020 bị truy nã, đến ngày 14/01/2020 đến đầu thú tại Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ G. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Kon Tum đến ngày 18/6/2020.

5. Hoàng Chí Th; (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1989 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký NKTT: Thôn M, xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Thống và bà Nguyễn Thị Thùy.

Tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 04/5/2019 bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ G bắt tạm giữ. Đến ngày 09/5/2019 bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ G khởi tố bị can và bắt tạm giam. Đến ngày 28/9/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư

trú đến nay.

6. Đậu Văn B (Tên gọi khác: Cu Bun); sinh ngày 02 tháng 9 năm 1987 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký NKTT: Thôn 5, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Đậu Thị B.

Tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 28/10/2019 bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ G khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum (*Có mặt*).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 14B, xã Đăk Pék, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum (*Vắng mặt*).

+ Ông Lê Mạnh T, sinh năm 1963 - Phó Giám đốc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh.

Địa chỉ: Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh (*Có mặt*).

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12/2018, Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1980, ĐKHKT: thôn Tân Hương, xã H T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh) phát hiện 01 (một) lóng gỗ Dổi (dài khoảng 6m, đường kính 60cm - 70cm) đã được cắt hạ từ trước tại Khoảnh 1, Tiểu khu 18 - Rừng đặc dụng Lâm phần BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, thuộc địa giới hành chính xã Đăk Man, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum (khu vực đèo Lò Xo) và cách đường Hồ Chí M khoảng 150m. Sau đó, Nguyễn Văn Đ đến quán cà phê của Nguyễn Văn Th (tên thường gọi: Th đen, sinh năm 1973, ĐKHKT: Thôn 16/5, thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum) là chỗ quen biết từ trước ngồi chơi và kể lại sự việc trên cho Thông. Th nói với

Đ “*Cứ làm đi, được bao nhiêu sẽ mua bấy nhiêu*” và thống nhất sẽ mua lại với giá 11.000.000 đồng/m³ gỗ xẻ hộp sau khi vận chuyển xuống đường. Cuối tháng 01/2019, Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại rủ Hoàng Chí Th (sinh năm 1989, ĐKHKT: thôn Mỹ Tân, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh), Lê Văn M (sinh năm 1983, ĐKHKT: thôn Nam T , xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh) và Đậu Văn B (Tên gọi khác: Cu Bun, sinh năm 1987, ĐKHKT: Thôn 5, xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh) lên huyện Đ G để đi khai thác gỗ thì tất cả đều đồng ý.

Ngày 01/02/2019, Nguyễn Văn Đ và Lê Văn M bắt xe khách đi từ nhà (Hà Tĩnh) vào huyện Đ G, tỉnh Kon Tum. Khi đi, Đ mang theo 01 (một) máy cưa lóc đến thị trấn TH Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam và lấy xe mô tô đã gửi từ trước. Ngày 02/02/2019, Đ và M vào ở tại nhà Nguyễn Văn Th tại thôn 16/5, thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum.

Sau khi được Nguyễn Văn Đ rủ đi làm gỗ, Hoàng Chí Th đã rủ thêm Trần Đ CH (sinh năm 1968, ĐKHKT: thôn Mỹ Lạc, xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) đi làm cùng. Đồng thời, Lê Văn M rủ thêm đối tượng tên là Giỏ (*không rõ nhân thân, lai lịch*) và Giỏ rủ thêm đối tượng tên He (*không rõ nhân thân, lai lịch*). Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 02/02/2019, Hoàng Chí Th và Trần Đ CH đi xe khách từ huyện Ngọc Hồi đến ngã tư Trần Phú - Hùng Vương, thị trấn Đ G, huyện Đ G thì gọi điện cho Đ ra đón và dẫn về nhà Nguyễn Văn Thông. Chiều tối cùng ngày, Giỏ và He mang theo 01 cưa lóc của Giỏ đến nhà Thông, đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Đậu Văn B cũng có mặt tại nhà Th. Trong lúc ngồi ăn cơm tối, Đ nói với mọi người đi vào rừng để khai thác gỗ, gỗ khai thác là gỗ Dổi, xẻ Th hộp kích thước dài từ 02m - 2,5m, rộng từ 30cm - 45cm, dày từ 10cm - 15cm, gỗ đưa xuống đường bán cho Nguyễn Văn Th với giá 11.000.000 đồng/m³ (mười một triệu đồng một mét khối) và chia đều cho mỗi người sau khi trừ hết chi phí. Đ nói đã chuẩn bị cưa lóc và lương thực thực phẩm, riêng đồ dùng cá nhân do mỗi người tự chuẩn bị thì cả nhóm đồng ý.

Ngày 03/02/2019, Đ và M đến quán cà phê của Thông, tại đây Đ trực tiếp vào gặp Th để tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Đ dùng số tiền này mua vật dụng và đồ dùng phục vụ việc khai thác gỗ trái phép. Chiều tối cùng ngày, cả nhóm tổ chức ăn uống tại nhà Th và có Th cùng tham gia. Th nói với mọi người “*Anh em cứ đi làm đi, gỗ được bao nhiêu anh mua hết, nhớ xem đường sá cẩn thận*”. Sau khi ăn cơm xong, Th nói “*Anh em di chuyển lên rừng đi vì ở đây sợ người dân nghi ngờ*”.

Sau đó, các bị can cùng một số đối tượng dùng xe mô tô của Đ và B chở người, công cụ và lương thực thực phẩm vào Khoảnh 1, Tiểu khu 18 rừng đặc dụng - Lâm phần BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, thuộc địa giới hành chính xã Đăk Man, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum (*Cách trung T thị trấn Đ G khoảng 30km theo hướng Đ G - Quảng Nam*) để khai thác gỗ. Khi đến nơi, các bị cáo giấu xe mô tô vào lề đường rồi đi bộ vào vị trí khai thác gỗ (*Cách đường Hồ Chí M khoảng 150m về phía bên trái hướng Đ G - Quảng Nam*) và dựng lán để nghỉ ngơi.

Đến khoảng 22 giờ ngày 04/02/2019, Lê Văn M dùng cửa lóc trực tiếp xẻ lóng gỗ Dổi (*do Đ phát hiện từ trước*) Th 09 hộp gỗ, khối lượng 1,219 m³ xẻ (*theo Biên bản xác M hiện trường ngày 18/10/2019*), còn Th, CH, B, Giỏ và He có nhiệm vụ phụ cửa và kéo gỗ xuống đường. Đ đứng dưới đường Hồ Chí M có nhiệm vụ canh giới cơ quan chức năng. Số gỗ khai thác được, các bị cáo kéo tập kết cách đường Hồ Chí M khoảng 400m. Sau đó, M cắt hạ 02 (hai) cây gỗ, chủng loại gỗ Dổi rồi cùng Th và Giỏ cửa xẻ được 13 hộp (01 hộp bị hỏng), các bị cáo khác vận chuyển gỗ xuống cất giấu tại 02 vị trí sát đường Hồ Chí M (hai vị trí cách nhau khoảng 50m).

Sau khi đã khai thác được gỗ, Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H (sinh năm 1971, ĐKHKT: thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum) lên phụ bốc gỗ và H đồng ý. Do Đ và H quen biết nhau từ trước nên không thỏa thuận tiền công. H đi xe mô tô lên địa điểm tập kết gỗ theo hướng dẫn của Đ, đến khoảng 03 giờ ngày 05/02/2019 Đ gọi điện cho Nguyễn Văn Th đưa xe ô tô lên chở gỗ. Th thuê đối tượng Hưng và Tí (*cả hai đều chưa xác định được lai lịch*) lái xe ô tô tải biển số 75K-2218 đi chở gỗ cho Thông. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 05/02/2019, Hưng và Tí điều khiển xe ô tô tải biển số nêu trên chạy tới địa điểm cất giấu gỗ, các đối tượng đã bốc 12 hộp gỗ lên xe ô tô để Hưng và Tí chở về hướng thị trấn Đ G. Sau khi bốc gỗ xong, M, Th và Giỏ đi tìm cây và M tiếp tục cắt hạ 01 cây gỗ Dổi, những đối tượng còn lại đi về lán nghỉ ngơi. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, Hạt kiểm lâm KBTTN Ngọc Linh thực hiện nhiệm vụ tuần tra, khi thấy lực lượng kiểm lâm, Nguyễn Văn Đ đã hô to. Khi nghe hô có Kiểm lâm, các đối tượng chạy trốn, do không biết đường nên Trần Đ CH bị kiểm lâm bắt giữ đưa về trụ sở để làm việc. Sau khi bỏ trốn, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô về báo cho Nguyễn Văn Thông, Th điều khiển xe ô tô biển số 47C-3120 chở Đ đi tìm những người còn lại. Khi đi gần tới vị trí khai thác gỗ thì gặp B, Th và Giỏ rồi Th chở về ở nhà Th tại thị trấn Đ G, huyện Đ G. Đến ngày 06/02/2019, Đ tìm gặp Th để hỏi tiền gỗ thì Th có đưa cho Đ số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), sau khi nhận tiền, Đ đón xe về quê. Số gỗ mà Hưng và Tí chở về thị

trần Đ G khoảng 01 tuần sau Th bán cho một người đàn ông tên Nguyễn (*không rõ lai lịch*) với giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 27/02/2019 và kết quả xác định hiện trường ngày 18/10/2019 thì tổng khối lượng gỗ có tại Khoảnh 1, Tiểu khu 18 rừng đặc dụng - Lâm phần BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, thuộc địa giới hành chính xã Đăk Man, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum là 11,454 m³ gỗ tròn, chủng loại Dổi - Nhóm III. có giá trị là **169.019.400 đồng** (Một trăm sáu mươi chín triệu, không trăm mười chín nghìn, bốn trăm đồng). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã chứng M được các đối tượng trực tiếp gây thiệt hại là 10,278 m³ gỗ tròn có giá trị **147.851.400 đồng** (Một trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi một nghìn bốn trăm đồng).

Tại quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND tỉnh Kon Tum và GCNQSDĐ số AE 435935 do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 25/12/2008 xác định Khoảnh 1, Tiểu khu 18 rừng đặc dụng - Lâm phần BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên.

Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 22/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ G, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ , Nguyễn Văn Thông, Lê Văn M, Trần Đ CH, Hoàng Chí Th và Đậu Văn B về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ , Nguyễn Văn Thông, Lê Văn M, Trần Đ CH, Hoàng Chí Th và Đậu Văn B phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử quyết định như sau:

Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 30 đến 36 tháng tù;

Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Lê Văn M và Trần Đ CH mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều

58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Hoàng Chí Th và Đậu Văn B mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Vì các bị cáo đều có hoàn cảnh gia Đ khó khăn, là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 232 đối với các bị cáo.

Về phần dân sự: Anh Trần Thanh T đề nghị Hội đồng xét xử buộc người bán chiếc xe ô tô biển số 75K-2218 cho anh phải bồi thường cho anh số tiền 90.000.000 đồng (bao gồm cả tiền sửa chữa), đồng thời xem xét suốt thời gian xe bị tạm giữ không thể hoạt động gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của anh. Do anh Trần Thanh T và bị cáo Nguyễn Văn Th thay đổi thỏa thuận tại phiên tòa, hơn nữa anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, do vậy đề nghị HĐXX tách phần dân sự để anh Trần Thanh T bổ sung tài liệu chứng cứ khởi kiện vụ án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ G đã truy tố và không có ý kiến gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo biết việc làm của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ G, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ G, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở

khẳng định: Khoảng đầu tháng 02/2020, sau khi trao đổi với Nguyễn Văn Th về việc phát hiện 01 lóng gỗ Dổi đã được cắt hạ từ trước tại Khoảnh 1, Tiểu khu 18 rừng đặc dụng - Lâm phần BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh và được Nguyễn Văn Th hứa hẹn “*Cứ làm đi, làm được bao nhiêu sẽ mua bấy nhiêu*”, Nguyễn Văn Đ đã rủ Hoàng Chí Th, Lê Văn M, Đậu Văn B đi khai thác gỗ thì tất cả đều đồng ý. Sau đó, Hoàng Chí Th đã rủ thêm Trần Đ CH còn Lê Văn M rủ thêm đối tượng Giỏ và Giỏ rủ thêm đối tượng He cùng đi khai thác. Sáng ngày 03/02/2019, Đ và M đến quán cà phê của Th tại thôn Đăk Dung, thị trấn Đ G, huyện Đ G tạm ứng số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để mua lương thực thực phẩm phục vụ cho việc khai thác gỗ trái phép. Đến tối cùng ngày, sau khi ăn cơm tối, các đối tượng Đ và B đã sử dụng 02 xe mô tô để chở người và công cụ vào Khoảnh 1, Tiểu khu 18 rừng đặc dụng - Lâm phần BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, thuộc địa giới hành chính xã Đăk Man, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum để khai thác gỗ trái phép. Từ khoảng 22 giờ, ngày 04/02/2020 đến sáng ngày 05/02/2020, các đối tượng đã sử dụng cưa xăng (cưa lốc) trực tiếp khai thác trái phép 10,278 m³ gỗ tròn, chủng loại Dổi thuộc Nhóm III, có giá trị là 147.851.400 đồng, Nguyễn Văn Th đã nhờ người điều khiển xe ô tô tải đến địa điểm tập kết gỗ chở 12 hộp gỗ về thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Thông, Lê Văn M, Trần Đ CH, Hoàng Chí Th và Đậu Văn B đã đủ yếu tố cấu Th tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm e khoản 2, Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ G truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái rừng. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rằng việc khai thác gỗ trái phép, xâm hại tài nguyên rừng là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân mà vẫn cố tính thực hiện hành vi của mình. Bên cạnh đó, nạn khai thác rừng trái phép đang là vấn đề nhức nhối của xã hội trong cả nước, được các phương tiện truyền Th phản ánh rất nhiều và dư luận xã hội đặc biệt quan T. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo với hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, biết bảo vệ tài nguyên rừng, lâm sản cũng như răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của

hành vi, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia của từng bị cáo.

- *Về nhân thân:* Các bị cáo Nguyễn Văn Đ , Lê Văn M, Trần Đ CH, Hoàng Chí Th và Đậu Văn B có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Bị cáo Nguyễn Văn Th ngày 26/4/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Đ G xử phạt 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”

- *Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải . Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo Nguyễn Văn Đ , Lê Văn M, Trần Đ CH, Hoàng Chí Th và Đậu Văn B đã tự nguyện hoặc tác động gia Đ nộp tiền khắc phục hậu quả, xét thấy số tiền mà các bị cáo nộp để khắc phục hậu quả là không đáng kể so với thiệt hại thực tế mà hành vi của các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, về thực tế các bị cáo đều có hoàn cảnh gia Đ khó khăn song cũng đã có ý thức cố gắng tự nguyện nộp được một phần tiền để khắc phục hậu quả. Do vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- *Về tính chất đồng phạm:* Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Tuy các bị cáo có sự thống nhất về mặt ý chí từ trước, có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, phân công vai trò trách nhiệm từng đồng phạm, không có kế hoạch phạm tội chi tiết và thủ đoạn tinh vi.

- *Về tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo:*

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là người nảy sinh ý định khai thác gỗ khi phát hiện một lóng gỗ Dổi từ trước. Bị cáo cũng là người rủ rê Hoàng Chí Th, Lê Văn M và Đậu Văn B , đề ra phương thức và truyền đạt ý chí, kế hoạch đến các đối tượng khác, đồng thời bị cáo đã đóng góp công cụ, phương tiện dùng cho việc phạm tội là 01 máy cưa lóc và 01 xe mô tô và là người trực tiếp chuẩn bị vật dụng và đồ dùng phục vụ việc khai thác (tạm ứng của Th 5.000.000 đồng để thực hiện hành vi này), cảnh giới cơ quan chức năng khi các đối tượng khác đang thực hiện hành vi phạm tội và đã hô to để các đối tượng tẩu thoát khi bị lực lượng chức năng phát hiện. Mặc dù bị cáo Đ chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, nhưng xét thấy bị cáo là người chủ mưu trong vụ án nên cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội

một thời gian, qua đó mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở Th công dân tốt, có ích cho xã hội, cộng đồng và phòng ngừa chung.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn Thông: Khi nghe Đ trao đổi về việc phát hiện 01 lóng gỗ Dổi, Th liền xúi dục và hứa hẹn rằng “*Cứ làm đi, được bao nhiêu sẽ mua bấy nhiêu*” và dẫn dò các đối tượng “*Nhớ xem đường sá cẩn thận*”. Mỗi lần các đối tượng trao đổi và bàn bạc với nhau đều ở nhà hoặc quán cà phê của bị cáo, bị cáo cũng tạo điều kiện về mặt vật chất cho hành vi phạm tội khi đưa Đ tạm ứng 5.000.000 đồng để mua các đồ dùng và vật dụng cần thiết cho việc khai thác gỗ trái phép. Sau khi các đối tượng khai thác xong và gọi điện cho bị cáo, bị cáo đã thuê người đưa xe lên để chở gỗ về, đồng thời đánh xe ô tô đi tìm các đối tượng khi bị lực lượng chức năng truy đuổi. Do đó, Nguyễn Văn Th phải chịu trách nhiệm với vai trò vừa là người xúi dục, vừa là người giúp sức trong vụ án này. Bị cáo có nhân thân xấu, do vậy cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo biết nhận ra lỗi lầm mà tích cực cải tạo.

+ Đối với bị cáo Lê Văn M với vai trò là người thực hành tích cực, là người trực tiếp dùng cưa cắt hạ và xẻ lóng 04 cây gỗ Dổi, đóng vai trò quan trọng đối với hành vi phạm tội (*trong đó 01 cây đã bị cắt hạ từ trước*). Đối với bị cáo Trần Đ CH, trong quá trình điều tra mặc dù đã được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng không chấp hành, đã bỏ trốn và bị truy nã. Do vậy, cần cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

+ Đối với các bị cáo Hoàng Chí Th và Đậu Văn B đóng vai trò thứ yếu, phụ cưa và kéo gỗ xuống đường. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội, nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú trong thời gian thử thách. Qua đó cũng đủ điều kiện để cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa, trở Th công dân tốt, có ích cho xã hội và cộng đồng, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo có mặt tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh gia Đ khó khăn, là lao động tự do và không có nghề nghiệp ổn định. Do

đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 232 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm a,b khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, b khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:*

+ 41 (Bốn mươi một) hộp gỗ xẻ, chủng loại gỗ Dổi, Nhóm III có khối lượng 5,404 m³;

+ 01 (Một) Xe ô tô tải ben biển số 75K - 2218, màu xanh, số khung: OQZL-0800017, số máy: 2ZL8VA-00029 và các giấy tờ liên quan.

+ Số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng) các bị cáo hoặc gia Đ đã nộp để khắc phục hậu quả.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đăk Glei và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glei ngày 07/5/2020).

- Đối với 02 chiếc xe mô tô mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại phục vụ cho việc khai thác gỗ, trong đó 01 xe của bị cáo Đậu Văn B đã bán cho một người đàn ông tại thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); chiếc còn lại của bị cáo Nguyễn Văn Đ cũng đã bán cho một người bên Lào với giá 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Cả hai chiếc xe bị cáo Đ và B đều không nhớ biển kiểm soát và hai người mua cũng không có địa chỉ nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc các bị cáo phải nộp lại tiền đã bán 02 phương tiện này để nộp Ngân sách Nhà nước.

- 02 (hai) cửa lóc mà các bị cáo sử dụng để khai thác gỗ, trong đó 01 cái của Nguyễn Văn Đ đã bán cho Trần M Tám (sinh năm 1975, HKTT: 571 Hùng Vương, thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum) với giá 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Anh Tám không biết đây là cửa mà Đ dùng làm công cụ để khai thác gỗ trái phép nên đã mua và bán lại cho một người dân. Còn 01 cửa của đối tượng Giỏ (không xác định được nhân thân, lai lịch), Cơ quan CSĐT không thu giữ được 02 chiếc cửa này. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp lại số tiền bán chiếc cửa này để nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] - Đối với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà bị cáo Đ đã ứng trước từ bị cáo Th để chuẩn bị, mua sắm công cụ dùng cho việc khai thác gỗ trái phép: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Văn M, Trần Đ CH, Hoàng Chí Th và Đậu Văn B thống nhất liên đới mỗi bị cáo chịu trách nhiệm giao nộp lại 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo phải nộp lại để sung Ngân sách Nhà nước đối với số tiền các bị cáo bán vật chứng của vụ án hoặc do phạm tội mà có, cụ thể:

- + Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);
- + Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng);
- + Đậu Văn B phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
- + Lê Văn M phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng);
- + Trần Đ CH phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng);
- + Hoàng Chí Th phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

[8] Những vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Đối với các đối tượng Giỏ và He là hai người tham gia với vai trò đồng phạm nhưng các bị cáo đều không biết rõ họ tên và địa chỉ nên chưa xác định được nhân thân và lai lịch, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT tiếp tục xác M để xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn H, Hưng và Tí là những người tham gia bốc gỗ lên xe ô tô để vận chuyển đi, sau khi hành vi khai thác gỗ của các bị cáo đã hoàn Th nên không có tính chất đồng phạm, khối lượng gỗ bốc lên xe là 2,554 m³ quy tròn không đủ khối lượng cấu Th tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo Điều 232 của Bộ luật Hình sự. Cơ quan CSĐT đã có công văn đề nghị xử lý hành chính đối với Nguyễn Văn H, còn Hưng và Tí chưa xác định được lai lịch.

Đối với Chu Văn A, Nguyễn Xuân Th, A Y, Nguyễn Thị Thanh Th, A B và Hồ Quyết Th là nhân viên của Ban quản lý KBTTN Ngọc Linh, được giao nhiệm vụ bảo vệ rừng tại Tiểu khu 18 đã để cho các bị cáo vào rừng khai thác gỗ trái phép là có sự thiếu trách nhiệm. Tuy nhiên, thời điểm mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội diễn ra vào ban đêm, địa hình đi lại rất khó khăn, địa bàn rộng, tại thời điểm trước đó có một số đối tượng nghi vấn đang vào khu vực Tiểu khu 16 nên đã tập trung lực lượng kiểm tra tại Tiểu khu này. Chính vì thế, các đối tượng đã lợi dụng để khai thác gỗ trái phép, sau đó lực lượng bảo vệ rừng phát hiện, ngăn chặn kịp thời và bắt giữ được 01 đối tượng. Xét về điều

kiện khách quan, Cơ quan CSĐT không đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự mà có Văn bản đề nghị BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh xử lý theo thẩm quyền.

Các tình tiết nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe ô tô tải ben biển kiểm soát 75K - 2218 là phương tiện phạm tội mà Cơ quan CSĐT đã thu giữ từ anh Trần Thanh T (sau khi dùng để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Th đã bán chiếc xe nêu trên cho ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T bán lại cho anh Trần Thanh T). Trong quá trình điều tra, Nguyên đơn dân sự là anh Trần Thanh T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường số tiền 90.000.000 đồng (bao gồm giá trị xe và tiền sửa chữa). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Trần Thanh T và Bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bị cáo Nguyễn Văn Th có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để anh T mua lại chiếc xe này khi cơ quan có thẩm quyền phát mãi. Tại phiên tòa, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn T vắng mặt, Bị cáo Nguyễn Văn Th và anh Trần Thanh T thay đổi sự thỏa thuận và đề nghị tách phần dân sự ra khi có mặt anh T và mọi người cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ sẽ yêu cầu giải quyết vụ án dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự, nên áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có mặt các bên, đầy đủ căn cứ và có yêu cầu của Nguyên đơn dân sự.

- Tại phiên tòa: Ông Lê Mạnh T – Phó Giám đốc Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ , Nguyễn Văn Th, Lê Văn M, Trần Đ CH, Hoàng Chí Th và Đậu Văn B phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

- Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 232; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Đ 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (27/8/2019).

Xử phạt: bị cáo Lê Văn M 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (10/01/2020).

Xử phạt: bị cáo Trần Đ CH 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (14/01/2020), được trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 04/5/2019 đến 28/9/2019).

- Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 232; Điều 17; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Th 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 232; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Hoàng Chí Th 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: bị cáo Đậu Văn B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đầy đủ căn cứ, yêu cầu của Nguyên đơn dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tích thu sung Ngân sách Nhà nước:

+ 41 (Bốn mươi một) hộp gỗ xẻ, chủng loại gỗ Dổi, Nhóm III có khối lượng 5,404 m³;

+ 01 (Một) Xe ô tô tải ben biển số 75K - 2218, màu xanh, số khung: OQZL-0800017, số máy: 2ZL8VA-00029 và các giấy tờ liên quan.

+ Số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng) các bị cáo hoặc gia Đ đã nộp để khắc phục hậu quả.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đăk Glei và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glei ngày 07/5/2020).

4. Truy thu đối với các bị cáo số tiền bán công cụ là vật chứng và tiền do phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước, cụ thể:

+ Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

+ Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng);

+ Đậu Văn B phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

+ Lê Văn M phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng);

+ Trần Đ CH phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng);

+ Hoàng Chí Th phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Văn M, Nguyễn Văn Đ , Nguyễn Văn Thông, Trần Đ CH, Hoàng Chí Th và Đậu Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS: Các bị cáo, đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

(17/6/2020). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đương sự;
- VKSND huyện ĐắkGlei;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- CA huyện ĐắkGlei;
- Chi cục THADS huyện ĐắkGlei;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Tài

TH VIÊN HỘI DỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Tụ

Nguyễn Văn Phương

Ngô Đ Tài